

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS - PT

Ngày 13 - 9 - 2021

V/v “*Tranh chấp kiện đòi lại tài sản
là quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Thẩm phán: Ông L Văn Đài

Ông Phạm Ngọc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLPT-DS ngày 27/7/2021 về việc “*Tranh chấp kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*” do bản án dân sự số 01/2021/DS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐ-PT ngày 25/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị T

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bàn Thế V và chị Trương Thị T

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Trương Thị T: Anh Bàn Thế V - Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. (Giấy ủy quyền ngày 25/02/2021). Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Bàn Thế V.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Trần Văn H và chị Trần Thị T trình bày:

Năm 2005 ông Trần Văn L và bà Bàn Thị H (tức Bàn Thị H) là bố mẹ đẻ của anh Trần Văn H và chị Trần Thị T được Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) huyện B, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) số AD 517227 ngày 23/8/2005 tại thửa số 326, tờ bản đồ số 2, tiểu khu 241 - 1 tại Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi được cấp GCNQSDĐ ông Trần Văn L và bà Bàn Thị H sử dụng ổn định chưa chuyển nhượng cho ai. Năm 2010 ông Trần Văn L chết, năm 2019 bà Bàn Thị H chết. Anh Trần Văn H, chị Trần Thị T là những người thừa kế hợp pháp có kiểm tra, đối chiếu lại GCNQSDĐ thì xác định vợ chồng anh Bàn Thế V và chị Trương Thị T là người có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (là anh em họ với anh H và chị T) có sử dụng một phần diện tích đất của ông L và bà H tại thửa 326 tờ bản đồ số 2 tiểu khu 241 - 1 để trồng cây quế, châu và bò đề. Vì vậy anh H và chị T đã có đơn yêu cầu vợ chồng anh V và chị T trả lại diện tích đất trên, nhưng anh V và chị T không nhất trí. Đến tháng 10/2020 anh H và chị T đã có đơn đề nghị UBND xã S giải quyết nhưng không thành. Do vậy ngày 04/01/2020 anh H và chị T đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh V và chị T phải có trách nhiệm thu hoạch toàn bộ cây cối hoa màu đã trồng cấy trên đất để trả lại cho anh H và chị T là những người thừa kế hợp pháp của ông L và bà H diện tích đất tại thửa số 326 tờ bản đồ số 2 tiểu khu 241 - 1 thuộc Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai, theo như biên bản xem xét thẩm định ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Bàn Thế V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Trương Thị T (đồng bị đơn) trình bày:

Diện tích đất 30.430,8m² tại thửa đất 326, tờ bản đồ số 2, tiểu khu 241-1 đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Trần Văn L hiện nay vợ chồng anh, chị đang sử dụng trồng cây quế, bò đề và cây châu. Nguồn gốc diện tích đất này trước đây ông Trương Văn H hiện trú quán tại Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai (Là bố đẻ chị Trương Thị T) sử dụng từ năm 1980 sau đó đến năm 1996 thì ông Trương Văn H cho vợ chồng anh, chị sử dụng từ đó đến nay không có ai tranh chấp gì. Trong quá trình sử dụng vợ chồng anh chị có trồng cây ngắn ngày đến năm 2012 vợ chồng anh chị mới trồng cây Quế, Châu và bò đề. Việc anh chị trồng cây trên đất thì ông Trần Văn L và bà Bàn Thị H là bố mẹ đẻ của anh H và chị T khi còn sống cũng không có ý kiến gì. Mặt khác bản thân anh, chị cũng không biết diện tích đất này đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Trần Văn L năm 2005. Anh V, chị T xác nhận diện tích đất này cho đến nay anh, chị chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ nhưng đã sử dụng, trồng cấy cây cối từ năm 1996 không ai có ý kiến gì.

Khi anh H và chị T khởi kiện thì anh, chị mới biết diện tích đất này là đất đã được cấp cho hộ ông Trần Văn L và bà Bàn Thị H từ năm 2005. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh H, chị T thì anh V, chị T nhất trí trả lại diện tích đất và có yêu cầu giao cho anh H và chị T được sở hữu toàn bộ tài sản là cây Châu, cây

Quế và cây Bồ đề do vợ chồng anh chị đã trồng trên đất, anh H và chị T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng anh trị giá trị tài sản trên đất theo như giá của hội đồng định giá đã xác định là 261.619.830 đồng (*Hai trăm sáu mốt triệu, sáu trăm mười chín nghìn, tám trăm ba mươi đồng*).

Anh H và chị T không nhất trí theo yêu cầu của anh Bàn Thế V và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Điều 166; Điều 609; Điều 613, 614 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc anh Bàn Thế V và chị Trương Thị T phải có trách nhiệm thu hoạch cây cối hoa màu là cây Chầu, Quế và Bồ đề đã trồng trên đất để trả lại cho anh Trần Văn H và chị Trần Thị T diện tích đất 30.430,8m² tại thửa số 326 tờ bản đồ số 2 tiểu khu 241 - 1 thuộc Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 517227 ngày 23/8/2005 đứng tên hộ ông Trần Văn L và bà Bàn Thị H có vị trí kích thước tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp thửa đất số 325 mang tên ông Lâm Văn L, có cạnh kích thước là 140,4m + 27,7m.

- Phía Đông giáp thửa đất số 325 mang tên ông Lâm Văn L và thửa đất số 326 mang tên ông Trần Văn L có cạnh kích thước là 46,5m + 23,1m + 17,8m + 95,4m,

- Phía Nam giáp thửa đất số 330 mang tên ông Bàn Văn Q, có cạnh kích thước là 62,1m + 76,6m + 23,1 + 79m.

- Phía Tây giáp thửa đất số 326 mang tên ông Trần Văn L, có cạnh kích thước là 104,2m.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 24/6/2021, bị đơn anh Bàn Thế V Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm theo hướng sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, cụ thể:

- Buộc bị đơn anh Bàn Thế V và chị Trương Thị T phải trả lại cho nguyên đơn anh Trần Văn H và chị Trần Thị T diện tích 30.430,8m² nằm trong diện tích đất 48.403,1m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 417227, tại thửa số 326, tờ bản đồ số 2, tiểu khu 241-1 do UBND huyện B cấp ngày 23/8/2005 mang tên ông Trần Văn L và bà Bàn Thị H.

- Giao cho nguyên đơn anh Trần Văn H và chị Trần Thị T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản (theo biên bản xem xét thẩm định) trên diện tích đất 30.430,8m² và phải có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho anh Bàn Thế V và chị Trương Thị T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Trần Văn H và chị Trần Thị T giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn anh Bàn Thế V giữ nguyên nội dung kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai và yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Bàn Thế V. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên xử sửa bản án sơ thẩm, giao cho nguyên đơn anh Trần Văn H và chị Trần Thị T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản (theo biên bản xem xét thẩm định) trên diện tích đất 30.430,8m² và phải có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho anh Bàn Thế V và chị Trương Thị T; Tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Bàn Thế V có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp quá thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng được chấp nhận theo Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 146/2021/QĐ-PT ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, làm căn cứ để Tòa án đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Bàn Thế V:

[2.1] Về việc xác định chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp:

Bị đơn anh Bàn Thế V, chị Trương Thị T cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do ông Trương Văn H là bố đẻ của chị T tặng cho vợ chồng anh chị từ năm 1996. Tuy nhiên cả anh V, chị T và ông Trương Văn H đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Trương Văn H. Quá trình giải quyết vụ án anh V và chị T mới biết về việc diện tích đất tranh chấp mà anh chị đang sử dụng nằm trong thửa đất số 326, tờ bản đồ số 2, tiểu khu 241-1 đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AD 517227 cho ông Trần Văn L và bà Bàn Thị H (hiện ông Trần Văn L và bà Bàn Thị H

đều đã chết và người thừa kế theo pháp luật của ông bà là anh Trần Văn H, chị Trần Thị T) nên anh V và chị T nhất trí trả lại diện tích đất cho anh H, chị T.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2021 của TAND huyện B xác định diện tích đất tranh chấp do anh V, chị T hiện đang sử dụng là 30.430,8m² nằm trong thửa đất số 326, tờ bản đồ số 2, TK 241-1, địa chỉ thửa đất tại: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai đã được UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp GCNQSDĐ số AD 517227 ngày 23/8/2005 mang tên hộ ông Trần Văn L và bà Bàn Thị H. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định ông Trần Văn L chết năm 2010, bà Bàn Thị H (tên khác: Bàn Thị H) chết năm 2019, anh Trần Văn H và chị Trần Thị T là con đẻ của ông Trần Văn L và bà Bàn Thị H, cũng là người thừa kế theo pháp luật của ông L, bà H. Tòa án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, chị T về việc buộc anh V, chị T trả lại diện tích đất tranh chấp là có căn cứ, phù hợp với ý chí của các bên đương sự.

[2.2] Về việc xem xét, giải quyết đối với tài sản trên diện tích đất tranh chấp:

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2021 xác định hiện trạng tài sản trên diện tích đất tranh chấp giữa anh H, chị T với anh V, chị T bao gồm các cây Bò đề trồng từ năm 2012 (diện tích 8.754,8m²), cây Trầu trồng từ năm 2020 (diện tích 13.000m²), cây Quế trồng từ năm 2016 và cây Bò đề trồng từ năm 2012 (diện tích 4.000m²), cây Quế trồng từ năm 2016 và cây Trầu trồng từ năm 2012 (diện tích 4.676m²).

Bị đơn anh V, chị T cho rằng anh chị đã sử dụng đất để trồng cây quế, bò đề từ năm 1996 khi được ông Trương Văn H tặng cho đất, trong suốt thời gian anh chị trồng cây, canh tác trên đất thì ông Trần Văn L, bà Bàn Thị H không có ý kiến gì. Theo lời khai của những người làm chứng anh Đặng Văn Đ, anh Trương Văn C, anh Trần Văn T đều xác nhận về việc biết anh V, chị T sử dụng đất để trồng cây từ năm 2012, trong khi anh V, chị T trồng cây trên đất thì không có ai tranh chấp. Theo lời khai của anh H, chị T tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2021, ngày 06/4/2021 đều xác nhận anh chị không phải là người trực tiếp sử dụng đất mà do bố mẹ (ông Trần Văn L, bà Bàn Thị H) trực tiếp sử dụng nhưng ông bà không biết đất của mình đến đâu và cũng không quản lý được, trên diện tích đất ông L, bà H cũng như anh H, chị T chưa trồng cây gì, không có tài sản gì; sau khi ông L, bà H chết đến khoảng cuối năm 2020 anh H, chị T kiểm tra lại GCNQSDĐ mới phát hiện anh V, chị T sử dụng đất lấn chiếm một phần đất của ông L, bà H để lại nên phát sinh tranh chấp. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mặc dù ông L, bà H được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất tranh chấp tại thửa 326, tờ bản đồ số 02 nhưng ông L, bà H không sử dụng đất, trên đất không có tài sản, cây cối gì. Anh V, chị T mặc dù không có giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất nhưng anh chị đã sử dụng đất ổn định, ngay tình, quá trình sử dụng đến trước thời điểm anh H, chị T khởi kiện thì không có tranh chấp. Mặt khác theo GCNQSDĐ số AD 517227 do UBND huyện B cấp ngày 23/8/2005 cho hộ ông Trần Văn L, bà Bàn Thị H có mục đích sử dụng là đất R.Tn.S (đất rừng tự nhiên sản xuất), việc anh V, chị T trồng cây

trên đất ngoài mục đích phát triển kinh tế gia đình thì cũng góp phần phủ xanh đất trống, cải tạo đất và phù hợp với loại đất mà nhà nước giao. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh H, chị T cũng xác nhận anh chị đòi lại đất để canh tác, sử dụng, phát triển kinh tế hộ gia đình. Mặt khác cây châu mà anh V chị T trồng là loại cây chủ yếu thu hoạch quả để chế biến tinh dầu nên không thể khai thác ngay được. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều xác định các cây trồng khác trên đất như quế, bồ đề đều chưa đến kỳ thu hoạch. Do đó, bản án sơ thẩm nhận định anh V, chị T tự ý sử dụng đất mà không được sự đồng ý của chủ sử dụng đất, việc sử dụng đất trái với quy định của pháp luật và buộc anh V, chị T có trách nhiệm thu hoạch cây cối, hoa màu đã trồng trên đất để trả lại đất cho anh H, chị T là không phù hợp với quy hoạch phát triển rừng, gây thiệt hại cho anh V, chị T khi phải thu hoạch cây cối trên đất mà chưa đến thời điểm thu hoạch.

[2.3] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn anh Bàn Thế V là có căn cứ chấp nhận, việc anh H, chị T lấy lại quyền sử dụng đất thì phải nhận lại toàn bộ cây trồng trên đất và trả cho anh V, chị T số tiền tương ứng với giá trị cây cối mà anh V chị T trồng mới đảm bảo quyền, lợi hợp pháp của các đương sự.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

Xét thấy, nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tương tự nội dung kháng cáo của bị đơn anh Bàn Thế V như đã phân tích ở mục [2]. Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai là có căn cứ chấp nhận.

[4] Trên cơ sở nhận định trên, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn H, chị Trần Thị T về việc buộc anh Bàn Thế V, chị Trương Thị T trả lại diện tích đất lấn chiếm. Anh Trần Văn H, chị Trần Thị T có trách nhiệm nhận lại toàn bộ các cây cối trên đất và trả cho anh Bàn Thế V, chị Trương Thị T số tiền tương ứng với giá trị cây cối theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai quyết định thành lập.

[5] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Trần Văn H, chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền có trách nhiệm phải trả cho anh Bàn Thế V, chị Trương Thị T.

Bị đơn anh Bàn Thế V, chị Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện trả lại đất của anh Trần Văn H, chị Trần Thị T được Tòa án chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo anh Bàn Thế V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Bàn Thế V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm 01/2021/DS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Điều 166; Điều 609; Điều 613, 614 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1.1. Xử buộc anh Bàn Thế V và chị Trương Thị T trả lại cho anh Trần Văn H và chị Trần Thị T diện tích đất 30.430,8m² tại thửa số 326 tờ bản đồ số 2 tiểu khu 241 - 1 thuộc Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 517227 ngày 23/8/2005 đứng tên hộ ông Trần Văn L và bà Bàn Thị H có vị trí kích thước tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp thửa đất số 325 mang tên ông Lâm Văn L, có cạnh kích thước là 140,4m + 27,7m.

- Phía Đông giáp thửa đất số 325 mang tên ông Lâm Văn L và thửa đất số 326 mang tên ông Trần Văn L có cạnh kích thước là 46,5m + 23,1m + 17,8m + 95,4m,

- Phía Nam giáp thửa đất số 330 mang tên ông Bàn Văn Q, có cạnh kích thước là 62,1m + 76,6m + 23,1 + 79m.

- Phía Tây giáp thửa đất số 326 mang tên ông Trần Văn L, có cạnh kích thước là 104,2m.

1.2. Giao cho anh Trần Văn H, chị Trần Thị T được quyền sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối trên diện tích đất 30.430,8m² trên. Anh Trần Văn H và chị Trần Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán giá trị tài sản trên đất cho anh Bàn Thế V và chị Trương Thị T số tiền 261.619.830 đồng (*Hai trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm mười chín nghìn, tám trăm ba mươi đồng*).

(Kèm theo bản án là Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án và trích lục sơ đồ thửa đất tranh chấp là một phần không thể tách rời).

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Văn H và chị Trần Thị T phải chịu 13.081.000 đồng (*Mười ba triệu, không trăm tám mươi một nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Trần Văn H và chị Trần Thị T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AC/2012/000271 ngày 12/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Anh Trần Văn H và chị Trần Thị T còn phải nộp 12.781.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (*Mười hai triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng*).

Anh Bàn Thế V và chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Bàn Thế V không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Bàn Thế V đã nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AC-21P, số 0002637 ngày 23/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Khoa